TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HS-PT
Ngày 09/7/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Lê Đình N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2025/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Gia Lai).

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đình N (tên gọi khác: không); sinh ngày 07/7/1997 tại tỉnh Gia Lai (trước đây là tỉnh Bình Định); nơi cư trú: Thôn P, xã P, tỉnh Gia Lai (trước đây là Thôn P, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: sửa chữa điện thoại; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lê Văn N1, sinh năm 1972 và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1975; anh, chị, em ruột: 01 người, bị cáo là con lớn nhất; vợ: Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1999; con: Lê Quỳnh A, sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2023, ông Lê Đăng P, sinh năm 1959 ở thôn P, xã C, huyện P có vay của Nguyễn Văn H1; sinh năm 1987 ở thôn P, xã C, huyện P số tiền 20.000.000 đồng với mức lãi suất thoả thuận 1.500.000 đồng/tháng (tương ứng 7,5%/tháng); sau khi trả được hai tháng tiền lãi thì ông P không tiếp tục trả đúng

hạn, H1 nhiều lần đòi nhưng ông P không trả và không liên lạc được. Tối ngày 14/02/2024, H1 biết tin ông P nợ tiền nhiều người khác nữa nên gọi điện thoại cho Trương Đình T, sinh năm 1992 ở cùng thôn đi cùng với mình xuống nhà ông P để nói chuyện nợ nần. Túc đang ngồi nhậu với Trần Phúc T1, sinh năm 1995; Nguyễn Văn T2, sinh năm 2000; Lê Sơn V, sinh năm 1999 ở cùng thôn nên T rủ những người này đi cùng. Lúc này, Trần Văn N2, sinh năm 1999 và Lê Đình N, sinh năm 1997 ở cùng thôn P, xã C đến nhà T thăm xuân nhưng không thấy T ở nhà nên gọi điện thoại cho T thì T nói Trần Văn N2 và Lê Đình N cùng đi theo.

Khoảng 19 giờ 30’ cùng ngày, cả nhóm H1 điều khiển xe mô tô đến nhà ông P, dựng xe ở ngoài cổng và đi vào trong sân. Thời điểm này không có ông P ở nhà mà chỉ có vợ là bà Trần Thị T3 và hai người con trai của ông P là anh Lê Đăng T4 và anh Lê Đăng C cùng anh Đỗ Phúc C1, sinh năm 1995 (hàng xóm) đang ngồi ăn uống trước sân. H1 đi vào sân hỏi có ông P ở nhà không để hỏi chuyện tiền vay mượn trước đó thì T4, C nói không có ở nhà, ổng nợ tiền thì đi tìm ổng mà đòi, đến đây làm gì...? Quá trình nói chuyện, do có men rượu và bực bội vì cha mình vay tiền nhiều người không có khả năng trả nợ nên T4 đứng dậy có lời lẽ to tiếng thách thức với H1**;** còn C đi lại chỗ xe mô tô của mình mở cốp xe lấy một con dao tự chế dùng đi làm rẫy nên H1 thấy vậy tức giận nhặt cây kéo tại chiếu nhậu doạ đâm T4 thì T4 cùng C1 bỏ chạy vào trong nhà. H1 đuổi theo T4 nên C cầm con dao chạy tới chém H1 một cái trúng khuỷu tay phải. Thấy vậy, Lê Đình N, T2, T1, V cùng H1 ôm C đè xuống, Trần Văn N2 giật lấy con dao đưa T ném ra ngoài ruộng rồi cả nhóm (trừ T) dùng tay, chân đánh, đá vào người C. Nhìn thấy em trai mình bị đánh, T4 lấy một con dao từ trong nhà chạy ra chém một cái trúng mạn sườn trái H1. Nhóm của H1 buông C ra thì C bỏ chạy vào trong nhà nên H1, T, T2, T1, V, Trần Văn N2, Lê Đình N nhặt gạch ngói, đá, ly, tô, chén, chai rượu có sẵn trong sân ném về phía T4 gây thương tích ở vùng mặt trước gối trái và vùng cổ chân phải, trong đó: H1 ném 02 miếng ngói, 01 cục đá; T1 ném 02 miếng ngói; T2 ném 01 vỏ chai rượu, 01 cục đá; Túc ném 02 cục đá; Trần Văn N2 ném 02 cái chén; Lê Đình N ném 01 cái ly; V ném 02 cái chén, 02 cái tô và 01 xô nhựa. Lúc này, C1 cầm một cây rựa, C cầm một khẩu súng hơi (súng săn) từ trong nhà chạy ra dọa, đuổi nhóm của H1 ra ngoài đường, bà T3 liền đóng cổng ngõ lại nên nhóm của H1 bỏ đi về. Ngay sau đó C và T4 được người nhà đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện P và chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B nhập viện điều trị thương tích.

Sau khi vụ án xảy ra, Lê Đăng T4, Lê Đăng C và Nguyễn Văn H1 có đơn yêu cầu giám định thương tích và khởi tố vụ án hình sự.

* Ngày 16/4/2024, Trung tâm pháp y tỉnh B có Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 72/24/KLTTCT-PYBĐ đối với Lê Đăng T4 như sau:

- Hai vết thương mặt trước gối trái đau, hạn chế vận động gối trái, đứt bó trong và ngoài gân cơ tứ đầu đùi, dập rách bên trong dây chằng chéo trước, tụ dịch khe khớp, khoang sau xương bánh chè trên phim MRI gối đã khâu vết thương, điều trị. Hiện để hai sẹo mặt trước gối trái, vận động gối trái từ 0^o đến trên 125^o, đau.

- Vết thương vùng cổ chân phải đã điều trị. Hiện để sẹo tương ứng mắt cá trong chân phải; vận động cổ chân phải trong giới hạn bình thường.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Đăng T4 tại thời điểm giám định là: *15% (Mười lăm phần trăm)*.

* Ngày 16/4/2024, Trung tâm pháp y tỉnh B có Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 73/24/KLTTCT - PYBĐ đối với Lê Đăng C như sau:

- Chấn thương gây nhiều vết xây xát da vùng mặt, đau đầu, không tổn thương sọ, nội sọ trên phim chụp cắt lớp vi tính sọ não đã điều trị. Hiện để sẹo vùng trán trái, điện não đồ biến đổi nhẹ.

- Chấn thương gây đau tức vùng ngực, không ghi nhận dấu vết thương tích, không tổn thương xương lồng ngực trên phim chụp cắt lớp vi tính ngực đã điều trị. Hiện vùng ngực không có dấu vết.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Đăng C tại thời điểm giám định là: *08% (Tám phần trăm)*.

* Ngày 07/6/2024, Trung tâm pháp y tỉnh B có Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 108/24/KLTTCT-PYBĐ đối với Nguyễn Văn H1 như sau:

+ Vết thương mỏm khuỷu tay phải đã điều trị. Hiện để sẹo tương ứng vùng mỏm khuỷu tay phải. Tỷ lệ *01% (Một phần trăm).*

+ Vết thương vùng bụng đã khâu vết thương điều trị. Hiện để sẹo nằm ngang vùng bụng (thực tế mạn sườn trái). Tỷ lệ *03%* (*Ba phần trăm*).

Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Văn H1 tại thời điểm giám định là *04%* (*Bốn phần trăm*).

Ngày 14/5/2024, Lê Đăng T4 và Lê Đăng C đã tự nguyện có đơn bãi nại, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của nhóm Nguyễn Văn H1 gây thương tích cho T4 và C.

Ngày 07/7/2024, Nguyễn Văn H1 đã tự nguyện có đơn bãi nại, rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi Lê Đăng T4 và Lê Đăng C đã gây thương tích cho H1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2025/HSST ngày 28/02/2025, Tòa án nhân dân huyện Phù Cát (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Gia Lai) đã căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các Điều 17, 38, 47, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 54, 58 của Bộ luật Hình sự, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (đối với Trương Đình T) quyết định:

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H1, Trương Đình T, Nguyễn Văn T2, Trần Văn N2, Lê Sơn V và Lê Đình N phạm tội *"Cố ý gây thương tích"*.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 **10** *(mười)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.2. Xử phạt bị cáo Trương Đình T **10** *(mười)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 **07** *(bảy)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.4. Xử phạt bị cáo Trần Văn N2 **07** *(bảy)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Sơn V **07** *(bảy)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2.6. Xử phạt bị cáo Lê Đình N **07** *(bảy)* tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10/3/2025, bị cáo Lê Đình N kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên hình phạt tù của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Xuất phát từ việc ông Lê Đăng P (cha của Lê Đăng T4, Lê Đăng C) vay tiền của bị cáo H1 không trả và cũng không liên lạc được. Tối ngày 14/02/2024 H1 nghe tin ông P còn nợ nhiều người khác nên H1 cùng Trương Đình T, Nguyễn Văn T2, Trần Phúc T1, Lê Sơn V, Trần Văn N2 và Lê Đình N cùng đến nhà ông P để nói chuyện nợ tiền. Khi đến nơi, thì ông P không có ở nhà mà chỉ có vợ và các con ông P gồm bà T3, anh T4, anh C và anh C1 (hàng xóm với gia đình bà T3) đang ngồi nhậu cùng nhau trước sân nên H1 đến hỏi chuyện. Do có men rượu và bực tức vì cha mình mượn tiền nhiều người nên khi thấy nhóm H1 vào hỏi thì Lê Đăng T4 (con ông P) có lời lẽ to tiếng thách thức qua lại với H1 còn Lê Đăng C (em T4) đến mở cóp xe mô tô lấy một con dao. Thấy vậy, H1 đã nhặt lấy kéo trên chiếu hăm dọa rượt đuổi T4 thì bị C lấy dao chém trúng khủy tay H1 gây thương tích 1% nên C bị nhóm H1 đè xuống tước dao và dùng tay chân đánh gây thương tích 08%; thấy vậy T4 lấy một con dao từ trong nhà chạy lại chém H1 một cái trúng vào mạn sườn trái gây thương tích 03% để giải vây cho C và H1, T, T2, T1, V, Trần Đình N3 và Lê Đình

N cùng nhau dùng gạch, đá, ngói, chén, ly và vỏ chai rượu thuỷ tinh có sẵn tại sân nhà vợ chồng ông P để ném gây thương tích cho anh T4 với tỉ lệ thương tật 15%. Do đó, bản án Hình sự số 08/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát đã xét xử bị cáo Lê Đình N về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Đình N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Lê Đình N có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được tính mạng, sức khỏe của con người là quan trọng, được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo đã cùng với các bị cáo khác trực tiếp thực hành tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thương tích cho anh Lê Đăng T4 mà còn gây ảnh hưởng đến lĩnh vực quản lý trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho những trường hợp tương tự khác.

Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là bộc phát, nhất thời, không có sự chuẩn bị trước. Bị cáo đến nhà Trương Đình T để chúc xuân nhưng lại nghe lời rủ rê của T đến nhà ông P để giải quyết việc nợ tiền dẫn đến hậu quả gây thương tích cho anh T4. Mặc khác, vụ án xảy ra là do một phần lỗi của người bị hại. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại và người bị hại cũng có đơn bãi nại và rút yêu cầu khởi tố vụ án nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Khi biết rõ vụ án không thuộc trường hợp đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật tố tụng hình sự, anh T4 yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện có 01 con đang chuẩn bị vào lớp 01, vợ bị cáo đang mang thai đưa con thứ hai và không có việc làm ổn định.

Xét thấy: Ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo thì bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, không cần thiết cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo là cần thiết.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Đình N, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[3] Về án phí: Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Đình N không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình N. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

2. Xử phạt bị cáo Lê Đình N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích ". Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09/7/2025).

Giao bị cáo Lê Đình N cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Gia Lai (trước đây là xã C, huyện P, tỉnh Bình Định) giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Đình N không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1.TANDTC (1);
- VKSND tỉnh Gia Lai (1);
- TAND khu vực 3 - Gia Lai (3);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- VKSND khu vực 3 - Gia Lai (1);
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai (1);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai (2);
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Gia Lai (1);
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai (1);
- Bị cáo (1);
- Lưu: Toà Hình sự, HCTP, hồ sơ vụ án (3).

Đỗ Thị Thắm